TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 12-3-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn D.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chương,

Ông Hoàng Đắc Hân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 939/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXX-ST ngày 19 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/3/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị N sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn D sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 10 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Đỗ Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị N và ông Đỗ Văn D kết hôn với nhau do tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục, được Ủy ban nhân dân xã Quảng Thanh, huyện Thủy Nguyên cấp Giấy đăng kí kết hôn số 28 ngày 01/4/1992. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến tháng 9 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, ông D đánh bà nhiều lần trong nhiều năm. Mâu

thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do tình cảm không còn, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông D.

Về con chung: Bà Đỗ Thị N và ông Đỗ Văn D có hai con Đỗ Như Q sinh năm 1992 và Đỗ Như H sinh năm 1998. Các con đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Nkhông yêu cầu giải quyết.

Lời khai trong quá trình xét xử bị đơn Đỗ Văn D trình bày: Thống nhất toàn bộ lời trình bày của bà N về thời điểm kết hôn, con chung và nguyên nhân mâu thuẫn. Ông đã nhận thức được lỗi của mình và mong bà N tha thứ để vợ chồng đoàn tụ.

Bà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 2 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử cho ly hôn giữa bà Đỗ Thị N và ông Đỗ Văn D; bà N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Đỗ Văn D đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông D.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nga và ông D là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 11 năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, xảy ra bạo lực gia đình. Vậy, xác định yêu cầu xin ly hôn của bà N đã thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình, cần giải quyết cho ly hôn giữa bà Nga và ông D.

[3] Về con chung: Các con của bà N và ông D là Đỗ Như Q và Đỗ Như H đều đã trưởng thành, có khả năng lao động; không bên nào yêu cầu giải quyết nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Bà N và ông D không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Bà Đỗ Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Bà Đỗ Thị N và ông Đỗ Văn D.

Về nuôi con chung: Bà Nvà ông D không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung: Bà N và ông D không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí: Bà Đỗ Thị Nphải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng biên lai số 0003272 ngày 18 tháng 12 năm 2019. Bà Đỗ Thị N đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Quảng Thanh, h. Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn D